

TỈNH ỦY HÀ TĨNH
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TRẦN PHÚ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

*

KẾT QUẢ THI HẾT PHẦN HỌC: NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC
LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ K179 (MỞ TẠI HUYỆN CẨM XUYỀN)

TT	Họ và tên		Số BD	Điểm		Ghi chú
				Bảng số	Bảng chữ	
1	Phạm Thị	Ái	01	8,0	Tám chẵn	
2	Nguyễn Thành	Anh	02	8,0	Tám chẵn	
3	Võ Hữu	Anh	03	8,0	Tám chẵn	
4	Võ Thị	Ánh	04	7,5	Bảy rưỡi	
5	Trần Thị	Biên	05	8,0	Tám chẵn	
6	Trần Viết	Công	06	8,5	Tám rưỡi	
7	Ngô Thị Thành	Đức	07	8,5	Tám rưỡi	
8	Nguyễn Văn	Đức	08	8,5	Tám rưỡi	
9	Dương Thị Kim	Dung	09	7,5	Bảy rưỡi	
10	Võ Thị	Dung	10	7,5	Bảy rưỡi	
11	Lê Thị	Dung	11	8,0	Tám chẵn	
12	Thái Thị	Dung	12	7,5	Bảy rưỡi	
13	Nguyễn Xuân	Dũng	13	7,5	Bảy rưỡi	
14	Phan Đình	Dương	14	7,5	Bảy rưỡi	
15	Võ Thị	Duyệt	15	8,0	Tám chẵn	
16	Phan Thị Ngọc	Hà	16	8,0	Tám chẵn	
17	Hoàng Thị Việt	Hà	17	8,5	Tám rưỡi	
18	Nguyễn Thị Thu	Hà	18	8,5	Tám rưỡi	
19	Nguyễn Thị	Hân	19	7,5	Bảy rưỡi	
20	Đặng Thị	Hảo	20	7,5	Bảy rưỡi	
21	Trần Thị	Hoa	21	7,5	Bảy rưỡi	
22	Nguyễn Thị Thanh	Hoài	22	8,0	Tám chẵn	
23	Đặng Thị	Hội	23	8,0	Tám chẵn	
24	Nguyễn Quang	Hùng	24	7,5	Bảy rưỡi	
25	Dương Đông	Hưng	25	8,0	Tám chẵn	
26	Lê Thị	Hường	26	8,0	Tám chẵn	
27	Phạm Văn	Huy	27	8,5	Tám rưỡi	
28	Nguyễn Thị	Huyền	28	8,5	Tám rưỡi	
29	Nguyễn Thị	Huyền	29	7,5	Bảy rưỡi	
30	Phan Thị	Linh	30	8,5	Tám rưỡi	
31	Nguyễn Văn	Lợi	31	8,0	Tám chẵn	



TT	Họ và tên		Số BD	Điểm		Ghi chú
				Bằng số	Bằng chữ	
32	Dương Công	Lương	32	7,75	Bảy phẩy bảy lăm	
33	Hà Thị Hoài	Nam	33	8,5	Tám rưỡi	
34	Hoàng Thị Hiền	Nga	34	8,0	Tám chẵn	
35	Nguyễn Thị	Ngân	35	8,0	Tám chẵn	
36	Trần Thị Như	Ngọc	36	8,5	Tám rưỡi	
37	Dương Thị Kim	Nguyệt	37	8,0	Tám chẵn	
38	Trần Thị	Nguyệt	38	8,0	Tám chẵn	
39	Nguyễn Thị Khánh	Nhi	39	8,0	Tám chẵn	
40	Lê Thị Ánh	Nhung	40	8,0	Tám chẵn	
41	Nguyễn Thị	Oanh	41	8,5	Tám rưỡi	
42	Trần Thị	Oanh	42	7,5	Bảy rưỡi	
43	Lê Thị	Phúc	43	7,5	Bảy rưỡi	
44	Trần Thị	Phương	44		Không đủ điều kiện dự thi	
45	Trần Thị	Quyên	45	8,0	Tám chẵn	
46	Nguyễn Thị	Quỳnh	46	8,0	Tám chẵn	
47	Võ Văn	Thạch	47	8,0	Tám chẵn	
48	Đặng Thị	Thảo	48	8,0	Tám chẵn	
49	Dương Thị	Thảo	49	8,0	Tám chẵn	
50	Võ Thị	Thơm	50	8,0	Tám chẵn	
51	Hồ Thị	Thu	51	7,5	Bảy rưỡi	
52	Nguyễn Thị	Thu	52	8,0	Tám chẵn	
53	Trần Thị	Thủy	53	8,0	Tám chẵn	
54	Lê Ngọc	Toàn	54	8,5	Tám rưỡi	
55	Trần Bá	Tú	55	8,5	Tám rưỡi	
56	Phạm Thị Cẩm	Tú	56	8,5	Tám rưỡi	
57	Hoàng Văn	Tùng	57	8,5	Tám rưỡi	
58	Nguyễn Thị	Vân	58	8,5	Tám rưỡi	
59	Trần Đình	Vượng	59	8,0	Tám chẵn	
60	Thiều Thị	Yên	60	8,5	Tám rưỡi	
61	Phạm Thị Cẩm	Tú	61	8,0	Tám chẵn	
62	Trần Thị	Hương	62	8,0	Tám chẵn	
63	Trương Minh	Phương	63	8,0	Tám chẵn	
64	Ngô Thị	Tư	64	8,0	Tám chẵn	
65	Nguyễn Thị	Hương	65	8,0	Tám chẵn	
66	Lê Văn	Khoa	66		Vắng thi	
67	Ngô Thị	Linh	67	8,0	Tám chẵn	
68	Đặng Thành	Trung	68	7,5	Bảy rưỡi	

TT	Họ và tên		Số BD	Điểm		Ghi chú
				Bằng số	Bằng chữ	
69	Chu Thị	Thuyết	69	8,5	Tám rưỡi	
70	Nguyễn Thị	Thương	70	8,5	Tám rưỡi	
71	Nguyễn Ngọc	Thạch	71	8,5	Tám rưỡi	

Danh sách này gồm: 71 học viên

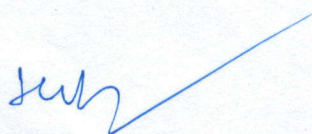
Hà Tĩnh, ngày 10 tháng 9 năm 2022

NGƯỜI VÀO ĐIỂM

TRƯỞNG PHÒNG QLĐT VÀ NCKH



Thái Thị Hiền



Nguyễn Thị Mỹ Hạnh



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Trọng Tứ

